

Bản án số: 86/2021/HS-PT
Ngày: 26 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu
Bà Tăng Thị Thúy Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Uyên -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Nga -Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 78/2021/TLPT-HS ngày 14-10-2021, đối với các bị cáo Lư Hữu N do có kháng cáo của bị cáo nhân đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2021/HS-ST ngày 09-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị cáo:* Lư Hữu N, sinh năm: 2000 tại huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng; Cư trú tại: ấp APA, xã An Thạnh T, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lư Văn Y1 (còn sống) và bà Hồ Thị H (còn sống); Anh chị em ruột có 02 người, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất là bị cáo; Tiền án: không có; Tiền sự: không có; Bị cáo là người có nhân thân tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/12/2020 (Có mặt).

- *Bị hại:* Trương Văn S, sinh năm 1990 (đã chết).

** Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1979; Cư trú tại: ấp An P, xã An Thạnh T, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt)

2. Ông Trương Văn N, sinh năm: 1950; Cư trú tại: ấp Bình DB, xã An T2, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1960; Cư trú tại: ấp Sơn T, xã An T2, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của ông Trương Văn N và bà Nguyễn Thị H: chị Lê Thị T, sinh năm 1979; Cư trú tại: ấp An P, xã An Thạnh T, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng; (Có mặt).

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Người làm chứng ông Ngô Nhật L và ông Bùi Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lư Hữu N có giấy phép lái xe hạng A1. Vào khoảng 18 giờ 20 phút ngày 02/10/2020 N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83D1-223.XX đến nhà trọ của Trần Quang H tại ấp C, thị trấn CLD, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng chơi, sau đó N, H và B (anh rể H) tổ chức uống bia, cả 03 người uống khoảng 20 lon bia hiệu Vina thì nghỉ, trong này N uống hết 04 lon, có nồng độ cồn là 1.79 mg/lít khí thở, sau đó N điều khiển xe đi từ hướng thị trấn CLD về bến phà Đại Á1 – Long P. Đến khoảng 23 giờ khi đi đến khu vực km 16-27 tỉnh lộ 933, thuộc ấp Phạm Thành H A, xã An T2, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng, do trời đã khuya trên đường không có xe qua lại, nên N điều khiển xe chạy lấn sang phần đường bên trái và va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 84K2 – 36XX do anh Trương Văn S điều khiển đi hướng ngược lại làm cho anh S ngã xuống lộ bị thương nặng, anh S được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ, đến ngày 03/10/2020 anh S tử vong, còn N thì bị thương nhẹ, 02 xe mô tô bị hư hỏng nhẹ.

Ngày 03/10/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CLD ra quyết định trưng cầu giám định số 40/QĐ-CQCSĐT nguyên nhân dẫn đến tử vong của Trương Văn S.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 296/TT-PY ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Sóc Trăng kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: nhiều sâu sát rách da vùng trán trái, chân trái; vỡ - lún phức tạp xương sọ vùng trán trái, biến dạng vùng mặt bên trái. Gãy nhiều xương bàn chân trái.

2. Nguyên nhân chết: nạn nhân Trương Văn S bị tai nạn giao thông đường bộ gây chấn thương sọ não nặng dẫn đến tử vong.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2021/HS-ST ngày 09/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Lư Hữu N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lư Hữu N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lư Hữu N bồi thường thiệt hại cho những người đại diện hợp pháp của bị hại gồm: Trương Văn N, Nguyễn Thị H và Lê Thị T số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Trương Văn N, bà Nguyễn Thị H và chị Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Lư Hữu N không thực hiện việc trả tiền thì bị cáo N còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

4.1. Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo Lư Hữu N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4.2. Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo Lư Hữu N phải nộp án phí có giá ngạch là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 23-9-2021, bị cáo Lư Hữu N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Cùng ngày 23-9-2021, đại diện hợp pháp cho bị hại bà Lê Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lư Hữu N và đại diện hợp pháp bị hại bà Lê Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nhân và người đại diện hợp pháp bị hại Lê Thị T; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo từ 06 đến

09 tháng tù, căn cứ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Lư Hữu N và đơn kháng cáo của đại diện hợp pháp bị hại lập và nộp cho Tòa án nhân dân huyện CLD cùng ngày 23-9-2021, là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo N và kháng cáo của đại diện hợp pháp bị hại bà Lê Thị T về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Lư Hữu N: vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 02/10/2020 bị cáo Lư Hữu N là người có giấy phép lái xe hạng A1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83D1-223.XX trong tình trạng có sử dụng rượu, bia và có nồng độ cồn là 1.79 mg/lít khí thở, đi không đúng phần đường quy định, không chú ý quan sát, nên va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 84K2 – 36XX do anh Trương Văn S điều khiển đi chiều ngược lại, hậu quả là anh Trương Văn S tử vong. Hành vi điều khiển xe mô tô mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 0,25mg/lít khí thở, đi không đúng phần đường quy định, gây tai nạn làm chết người của bị cáo thực hiện đã vi phạm khoản 8 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008 nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về kháng cáo của bị cáo Lư Hữu N và kháng cáo của đại diện hợp pháp bị hại cùng nội dung: xin được giảm án và được hưởng án treo. Với cùng các lý do: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nhận rõ hành vi phạm tội của mình gây ra; bản thân bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khắc phục hậu quả; không có tình tiết tăng nặng; Án sơ thẩm xét xử 01 năm 06 tháng tù là quá nghiêm khắc; Bản thân bị cáo hội đủ điều kiện được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật hình sự và theo điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Xét thấy, khi lượng hình Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại; đại diện bị hại xin giảm nhẹ

hình phạt cho bị cáo; Gia đình bị cáo có công với cách mạng. Từ đó cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cho bị cáo tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, cho nên cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 điều 54 Bộ luật hình sự xử bị cáo dưới khung hình phạt.

Từ đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 01 năm 06 tháng tù là phù hợp với mức độ, tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, đặc điểm nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo. Xét bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm; bị cáo N có nhân thân tốt; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có nơi cư trú rõ ràng, là có đủ một số điều kiện để xem xét, có thể cho các bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, tình hình tội phạm về giao thông hiện nay diễn biến phức tạp, cần xử lý nghiêm minh đối với người phạm tội, để có tác dụng răn đe, giáo dục người phạm tội và có tác dụng phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Cho nên, việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần xin được hưởng án treo.

[4] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo Lư Hữu N có nộp cho tòa án biên nhận ngày 12/10/2021 có chứng thực của ủy ban nhân dân xã An Thạnh T bồi thường theo bản án sơ thẩm đã tuyên cho đại diện hợp pháp bị hại số tiền 20.000.000 đồng, đây là tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm, thể hiện sự ăn năn hối hận của bị cáo N, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận giảm án cho bị cáo.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp bị hại được chấp nhận nên bị cáo và đại diện bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lư Hữu N và đại diện hợp pháp bị hại bà Lê Thị T. Giảm án cho bị cáo.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 19/2021/HS-ST ngày 09/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng, án sơ thẩm được tuyên lại như sau:

1. Tuyên bố bị cáo Lư Hữu N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lư Hữu N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lư Hữu N bồi thường thiệt hại cho những người đại diện hợp pháp của bị hại xong, không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lư Hữu N và đại diện hợp pháp bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND huyện CLD (01);
- VKSND huyện CLD (01);
- CQĐT - Công an huyện CLD (01);
- CQTHAHS-Công an huyện CLD (01);
- Chi cục THADS huyện CLD (01);
- Bị cáo, ĐD bị hại (02).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu hs, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Dũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Hữu

Tăng Thị Thúy Nga

Nguyễn Văn Dũ